

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 259-QĐ/NH6

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế về nhận bảo quản tài sản quý hiếm"

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại lệnh của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 37/LCT-HĐNN8, ngày 24-5-1990;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát hành và kho quý.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành theo quyết định này "Quy chế về nhận bảo quản tài sản quý hiếm".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Thống đốc, Vụ trưởng Vụ Phát hành và kho quý; Các Thủ trưởng Vụ, Cục có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Trung ương; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố; Tổng giám đốc các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng đầu tư và phát triển; Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế ban hành theo Quyết định này

QUY CHẾ

VỀ NHẬN BẢO QUẢN TÀI SẢN QUÝ HIẾM

(Ban hành theo Quyết định số 259/QĐ/NH6 ngày 22-10-1994

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tài sản quý hiếm nói trong quy chế này là các loại vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ trang sức. (bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...); các loại chứng từ có giá như: cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu...

Điều 2. Các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng Đầu tư và phát triển, Tổng công ty Vàng bạc đá quý Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng), nơi có điều kiện về kho tàng, phương tiện bảo quản, năng lực quản lý tốt, bảo đảm an toàn tài sản cho khách hàng và cho bản thân Ngân hàng đều được làm dịch vụ bảo quản tài sản quý hiếm.

Điều 3. Ngân hàng nhận bảo quản tài sản quý hiếm được thu phí bảo quản của khách hàng theo quy định tại Điều 22 Quy chế này và theo hướng dẫn của Tổng giám đốc Ngân hàng.

Điều 4. Mọi tổ chức cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài (gọi tắt là khách hàng) khi chấp thuận đầy đủ các quy định của quy chế này và nội quy giao dịch của Ngân hàng đều có thể gửi Ngân hàng bảo quản tài sản quý hiếm thuộc sở hữu hợp pháp của mình.

Điều 5. Tài sản của khách hàng gửi Ngân hàng được bảo đảm an toàn tuyệt đối về số lượng, trọng lượng và hình dáng... theo biên bản giao nhận giữa hai bên; việc gửi vào lấy ra thuận tiện và được giữ bí mật.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Ngân hàng đủ điều kiện để làm dịch vụ bảo quản tài sản quý hiếm quy định ở Điều 2 là Ngân hàng đảm bảo các yêu cầu sau:

Kho tàng: Kho được xây dựng và gia cố chắc chắn, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Phải bố trí được các gian kho riêng hay các khu riêng biệt trong các gian kho để làm dịch vụ bảo quản tài sản quý hiếm.

Phương tiện bảo quản: Phải có két, tủ sắt... riêng biệt, có khoá chắc chắn, đảm bảo an toàn. Các hộp chứa đựng tài sản của khách hàng được làm bằng tôn hoặc sắt theo tiêu chuẩn, kích cỡ thông nhất và có khoá tốt.

Điều 7. Ngân hàng không nhận bảo quản các tài sản:

Không phải loại tài sản quý hiếm đã quy định ở Điều 1;

Luật pháp cấm mua, bán, chuyển nhượng;

Tài sản yêu cầu điều kiện cất giữ, bảo quản đặc biệt.

Điều 8. Dịch vụ bảo quản tài sản quý hiếm, do khách hàng và Ngân hàng cùng ký. Nội dung hợp đồng bảo quản tài sản quý hiếm phải có đủ các yếu tố sau:

Họ tên, địa chỉ, số điện thoại, telex, fax, số chứng minh nhân dân của khách hàng.

Họ tên người đại diện Ngân hàng nhận bảo quản.

Tên, mác, mã số, ký hiệu, số lượng, trọng lượng, đặc điểm tài sản bảo quản và các loại giấy tờ kèm theo. Số hộp bảo quản tài sản.

Thời gian bảo quản.

Mức, hình thức và định kỳ thanh toán phí bảo quản.

Trách nhiệm của mỗi bên. Xác định trách nhiệm trong các trường hợp tài sản nhận bảo quản bị hư hỏng hoặc bị mất mát.

Các điều khoản cam kết khác.

Điều 9. Nếu khách hàng là một tổ chức, thủ trưởng đơn vị có thể uỷ quyền cho người khác ký hợp đồng. Giấy uỷ quyền phải ghi họ tên, số chứng minh nhân dân của người được uỷ quyền, có dấu và chữ ký của thủ trưởng đơn vị.

Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ nửa chừng hợp đồng bảo quản tài sản quý hiếm phải được bên tham gia hợp đồng thoả thuận bằng văn bản.

Điều 10. Sau khi ký hợp đồng, khách hàng và đại diện Ngân hàng phải cùng nhau lập biên bản giao nhận tài sản. Nội dung biên bản phải có đủ các yếu tố sau:

Họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân của khách hàng hoặc của người được uỷ quyền.

Họ tên người đại diện và các nhân viên xem xét đánh giá tài sản bảo quản phía Ngân hàng nhận bảo quản.

Tên, số lượng, trọng lượng, hiện trạng bên ngoài (hình dạng, màu sắc...) của từng loại tài sản bảo quản.

Biên bản giao nhận được lập thành 4 bản, 1 bản khách hàng giữ, 1 bản lưu tại kế toán Ngân hàng, 1 bản thủ kho giữ và một bản cất giữ cùng với tài sản bảo quản tại kho Ngân hàng.

Điều 11. Niêm phong tài sản được thực hiện hai bước:

Bước 1: Khách hàng phải tự tay gói và niêm phong gói tài sản của mình, trước khi đưa vào trong hộp bảo quản của Ngân hàng với bản kê khai tài sản theo sự hướng dẫn và giám sát của